

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 5 năm

Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 5 năm là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm cố định.

Sản phẩm phù hợp cho:

- Quý khách muốn có được sự an tâm về tài chính xác định cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn có kế hoạch tích lũy tài chính lâu dài và ổn định cho bản thân và gia đình.
- Quý khách muốn có kế hoạch đóng phí bảo hiểm chỉ trong 5 năm nhưng vẫn chủ động, linh hoạt và phù hợp với điều kiện tài chính của bản thân.

Bên mua Bảo hiểm (BMBH) : NGUYỄN VĂN A

Tuổi : 30

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :


Điện thoại liên lạc :


Mã số ĐDKD :


Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ gần 1.324 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

 (84-28) 3827 8989

 (84-28) 3827 8123

 (84-28) 3821 9000

 chubblife.vietnam@chubb.com

 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)

| NDBH | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Tuổi | Nhóm nghề nghiệp |
|------|--------------|-----------|------------|------|------------------|
| 1 | NGUYỄN VĂN A | NAM | 01/01/1988 | 30 | 2 |

II. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA

| STT | Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 5 năm | NDBH | Điều kiện BH | Mệnh giá BH (đồng) | Tuổi đáo hạn NDBH | Phí BH cơ bản (đồng) (*) |
|-----|--|------|--------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
| 1 | QLBH Cơ bản | 1 | S/S | 500.000.000 | 50 | 12.950.000 |
| 2 | QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng | 1 | S/S | 500.000.000 | 50 | 4.095.200 |
| 3 | QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn | 1 | S/S | 500.000.000 | 50 | 3.060.000 |
| 4 | QLBH bệnh nan y | 1 | S/S | 500.000.000 | 50 | 7.350.000 |

Tổng cộng: 27.455.200

Phí BH cơ bản (*): 27.455.200 đồng

Phí BH dự kiến đóng năm đầu: 27.455.200 đồng

Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (*): 27.455.200 đồng

Theo Định kỳ đóng phí: Năm

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- QLBH Cơ bản là quyền lợi bảo hiểm chính của HDBH và là QLBH khi NDBH tử vong. Trong trường hợp NDBH nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NDBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HDBH.
- Tổng QL Bảo hiểm tham gia là tổng Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản và các QLBH Gia tăng mà BMBH tham gia. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng bao gồm Mệnh giá BH của QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng; QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; QLBH bệnh nan y.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong năm (5) Năm hợp đồng đầu tiên và 3%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- Quyền lợi thưởng đặc biệt nêu trong Bảng minh họa (nếu có) chỉ được chi trả vào Ngày đáo hạn HDBH.

BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

| MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm | | | | | | | | | | |
|--|------------------|----------------------------|---|---------------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | | | | | | | | | | Đơn vị tính: nghìn đồng |
| Năm HĐ | Tuổi NĐBH | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Phí quản lý HĐ (*) | Phí bảo hiểm rủi ro (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | Quyền lợi thưởng đặc biệt | QLBH Cơ bản (QL Từ vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia |
| 1 | 31 | 27.455 | 10.982 | 300 | 2.584 | 8.854 | - | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 2 | 32 | 27.455 | 24.710 | 300 | 2.658 | 33.172 | 13.953 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 3 | 33 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.711 | 60.855 | 41.636 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 4 | 34 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.755 | 90.707 | 71.488 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 5 | 35 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.807 | 122.893 | 103.674 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 6 | 36 | - | - | 300 | 2.931 | 129.383 | 114.008 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 7 | 37 | - | - | 300 | 3.096 | 136.192 | 124.661 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 8 | 38 | - | - | 300 | 3.297 | 143.338 | 135.650 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 9 | 39 | - | - | 300 | 3.470 | 150.874 | 147.031 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 10 | 40 | - | - | 300 | 3.686 | 158.822 | 158.822 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 15 | 45 | - | - | 300 | 5.083 | 204.730 | 204.730 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 20 | 50 | - | - | 300 | 6.805 | 262.137 | 262.137 | 41.299 | 500.000 | 2.000.000 |
| Tổng cộng | | 137.275 | 113.938 | 6.000 | 82.599 | | | | | |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

| | | | |
|---|------------------|---------------------------------------|------------------|
| Tổng số năm đóng phí: | 5 năm | Tổng số phí đóng: | 137.276.000 đồng |
| Quyền lợi khi HĐBH đáo hạn (1): | 262.137.000 đồng | Quyền lợi thưởng đặc biệt (2): | 41.299.000 đồng |
| Tổng số tiền nhận khi đáo hạn (= 1 + 2): | 303.436.000 đồng | | |

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Phí quản lý HĐ (*) | Phí bảo hiểm rủi ro (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | Quyền lợi thưởng đặc biệt | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia |
|------------------|-----------|---------------------|--|--------------------|-------------------------|--------------|-----------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1 | 31 | 27.455 | 10.982 | 300 | 2.584 | 8.664 | - | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 2 | 32 | 27.455 | 24.710 | 300 | 2.659 | 32.328 | 13.110 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 3 | 33 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.713 | 58.805 | 39.587 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 4 | 34 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.760 | 86.823 | 67.604 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 5 | 35 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.816 | 116.465 | 97.246 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 6 | 36 | - | - | 300 | 2.945 | 120.122 | 104.748 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 7 | 37 | - | - | 300 | 3.117 | 123.803 | 112.272 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 8 | 38 | - | - | 300 | 3.326 | 127.489 | 119.802 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 9 | 39 | - | - | 300 | 3.508 | 131.208 | 127.364 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 10 | 40 | - | - | 300 | 3.736 | 134.937 | 134.937 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 15 | 45 | - | - | 300 | 5.236 | 152.677 | 152.677 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 20 | 50 | - | - | 300 | 7.302 | 165.554 | 165.554 | 42.469 | 500.000 | 2.000.000 |
| Tổng cộng | | 137.275 | 113.938 | 6.000 | 84.938 | | | | | |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

| | | | |
|---|------------------|---------------------------------------|------------------|
| Tổng số năm đóng phí: | 5 năm | Tổng số phí đóng: | 137.276.000 đồng |
| Quyền lợi khi HĐBH đáo hạn (1): | 165.554.000 đồng | Quyền lợi thưởng đặc biệt (2): | 42.469.000 đồng |
| Tổng số tiền nhận khi đáo hạn (= 1 + 2): | 208.023.000 đồng | | |

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HĐ | Tuổi NĐBH | Phí BH dự kiến /Năm | Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*) | Phí quản lý HĐ (*) | Phí bảo hiểm rủi ro (*) | GT Tài khoản | GT Hoàn lại (*) | Quyền lợi thưởng đặc biệt | QLBH Cơ bản (QL Tử vong) | Tổng QL Bảo hiểm tham gia |
|------------------|-----------|---------------------|--|--------------------|-------------------------|--------------|-----------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1 | 31 | 27.455 | 10.982 | 300 | 2.584 | 8.475 | - | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 2 | 32 | 27.455 | 24.710 | 300 | 2.659 | 31.493 | 12.274 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 3 | 33 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.716 | 56.798 | 37.580 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 4 | 34 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.765 | 83.066 | 63.847 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 5 | 35 | 27.455 | 26.082 | 300 | 2.824 | 110.324 | 91.105 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 6 | 36 | - | - | 300 | 2.959 | 110.330 | 94.955 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 7 | 37 | - | - | 300 | 3.140 | 110.145 | 98.614 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 8 | 38 | - | - | 300 | 3.358 | 109.732 | 102.045 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 9 | 39 | - | - | 300 | 3.552 | 109.111 | 105.267 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 10 | 40 | - | - | 300 | 3.792 | 108.235 | 108.235 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 15 | 45 | - | - | 300 | 5.395 | 98.899 | 98.899 | - | 500.000 | 2.000.000 |
| 20 | 50 | - | - | 300 | 7.764 | 76.855 | 76.855 | 43.637 | 500.000 | 2.000.000 |
| Tổng cộng | | 137.275 | 113.938 | 6.000 | 87.274 | | | | | |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

| | | | |
|---|------------------|---------------------------------------|------------------|
| Tổng số năm đóng phí: | 5 năm | Tổng số phí đóng: | 137.276.000 đồng |
| Quyền lợi khi HĐBH đáo hạn (1): | 76.855.000 đồng | Quyền lợi thưởng đặc biệt (2): | 43.637.000 đồng |
| Tổng số tiền nhận khi đáo hạn (= 1 + 2): | 120.492.000 đồng | | |

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 5 năm cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm - Đóng phí 5 năm.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Dài hạn 20 năm là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

(*) GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng đủ trong năm (5) Năm hợp đồng đầu tiên.
- Phí BH dự kiến đóng theo kỳ** Khoản phí mà BMBH dự kiến đóng theo kỳ phí xác định cho mỗi Năm hợp đồng.
- Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** Số tiền đóng vào HDBH sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và nhập vào Quỹ Liên kết chung để đầu tư.
- Phí ban đầu** Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6+ |
|---------------------------------------|-----|-----|----|----|----|----|
| % của Phí BH cơ bản | 60% | 10% | 5% | 5% | 5% | |
| % của phí đóng vượt quá Phí BH cơ bản | 10% | 5% | 5% | 5% | 5% | 5% |
- Phí bảo hiểm rủi ro** Khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD, được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) Quyền lợi Bảo hiểm.
- Phí quản lý hợp đồng** Khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng, được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD. Phí quản lý hợp đồng hiện tại là hai mươi lăm nghìn (25.000) đồng và có thể được điều chỉnh nhưng không quá một trăm nghìn (100.000) đồng.
- Phí quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung, được khấu trừ từ tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất áp dụng cho GTTKHD. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2% /năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Phí tạm ứng (nếu có).
- Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

| Năm Hợp đồng | 1 - 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10+ |
|---------------------|-------|-----|-----|-----|-----|-----|
| % của Phí BH cơ bản | 70% | 56% | 42% | 28% | 14% | 0% |
- Phí chấm dứt QLBH Gia tăng** Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QLBH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt. Tỷ lệ phần trăm áp dụng tương tự như Phí chấm dứt hợp đồng.

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi tử vong: khi HĐBH có *QLBH CƠ BẢN, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH tử vong do tự nhiên hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của *QLBH CƠ BẢN* hoặc *GTTKHD*, tùy giá trị nào lớn hơn.
- Trường hợp NĐBH tử vong do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh *QLBH Cơ bản*, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá BH* của *QLBH Gia tăng* tham gia. Nếu NĐBH tử vong do Tai nạn khi đang sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc ở nước ngoài du lịch thì có thể nhận đến tối đa *300% Mệnh giá BH*.

Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn: khi HĐBH có *QLBH THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN, QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do bệnh hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của *QLBH Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn (TTTBVVV)*.
- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh *QLBH TTTBVVV*, Người thụ hưởng còn nhận thêm *100% Mệnh giá BH* của *QLBH Gia tăng* tham gia.

Quyền lợi thương tật do Tai nạn: khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH bị mất hoàn toàn chức năng của một bộ phận cơ thể do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của *QLBH Gia tăng* tham gia.

Quyền lợi chấn thương do Tai nạn: khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH bị chấn thương nội tạng/xương khớp/bông do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của *QLBH Gia tăng* tham gia.

Quyền lợi mắc bệnh Nan y: khi HĐBH có *QLBH BỆNH NAN Y*

- Trường hợp NĐBH bị một trong các bệnh nan y được bảo hiểm, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của *QLBH Gia tăng* tham gia.

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẶC BIỆT, QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn

Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

2. Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng

Ngoại trừ trường hợp Hợp đồng Bảo hiểm mất hiệu lực do các Khoản tạm ứng cộng Phí tạm ứng vượt quá GTTKHĐ, Hợp đồng Bảo hiểm được đảm bảo có hiệu lực kể từ Năm hợp đồng thứ sáu đến Ngày đáo hạn ngay cả khi GTTKHĐ nhỏ hơn không (0) đồng nếu BMBH đã đóng đủ Phí BH cơ bản của năm (5) Năm hợp đồng đầu tiên trước Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ năm.

3. Quyền lợi thưởng đặc biệt

Bên cạnh Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn nêu trên, Chubb Life sẽ chi trả thêm 50% tổng Phí bảo hiểm rủi ro được cộng dồn từ Ngày hiệu lực đến Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm của QLBH Cơ bản và (các) QLBH Gia tăng còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn nếu Hợp đồng Bảo hiểm được Chubb Life chấp thuận Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng và chưa chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào trước đó.

4. Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung

BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

5. Quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại

BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực một (01) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Phí tạm ứng trên các khoản tạm ứng. Phí tạm ứng được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.

6. Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm hoặc chấm dứt Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng

BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại; hoặc yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng.